

Bản án số: 05/2015/HC-PT

Ngày: 24/09/2015

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông **Phạm Hùng Nuôi**.
- *Các thẩm phán:* 1/- Ông **Mai Thiện Kế**
2/- Ông **Huỳnh Đức Khải**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Vinh** – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:* Ông **Lê Văn Ninh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 09 năm 2015 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2015/TLPT-HC ngày 03 tháng 08 năm 2015, về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”

Do bản án Hành chính sơ thẩm số: 01/2015 /HC-ST ngày 09 tháng 04 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2015/QĐ-PT ngày 31 tháng 08 năm 2015, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1920 (chết vào ngày 18/5/2014).

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn S:*

- Bà **Phan Thị Mãnh T** (Mãnh Tuyết), sinh năm 1948 ; Địa chỉ: đường L, khóm A, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Ông **Phan Thành T** (T), sinh năm 1953; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

- Bà **Phan Thị Hạnh P**, sinh năm 1954; Địa chỉ: đường N, khóm A, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Phan Phước T**, sinh năm 1950; Địa chỉ: ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Lê Thị Bạch Y** sinh năm 1958, bà **Phan Thị Trúc L** sinh năm 1980, ông **Phan Hồng N** sinh năm 1983 và ông **Phan Hồng S** sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: đường S, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Phan Quế H**, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường S, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà **Phan Nguyệt A**, sinh năm 1959; Địa chỉ: đường L, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Bà **Phan Thị L (L)**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Hồ Nước Ngọt, phường X, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1957; Địa chỉ: Quốc Lộ 1A, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1958; Địa chỉ: đường L, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Ông **Phan Hùng M**, sinh năm 1970; Địa chỉ: đường L, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà P, ông T, ông H, bà Y, bà L, ông N, ông S, bà H, bà A và ông M:* Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1957; Địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 09/09/2015 và ngày 18/09/2015). (có mặt)

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L; Địa chỉ: ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Trịnh Văn Đ** – Chức vụ: Phó Chánh Thanh tra huyện L (theo giấy ủy quyền ngày 22/5/2014).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Đặng Văn N**, sinh năm 1962 và bà **Dương Kim N**, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (ông N vắng mặt, bà N có mặt)

- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1950 và bà **Quang Thị N**, sinh năm 1950; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (cùng có mặt)

- Ông **Đoàn Văn M**, sinh năm 1960 và bà **Dương Thị Kim H** (Dương Kim H), sinh năm 1954; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (bà H ủy quyền cho ông M, theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2015). (ông M có mặt)

- Ông **Huỳnh Bình P**, sinh năm 1968 và bà **Trần Thị Hồng Đ**, sinh năm 1977; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1972 và bà **Phạm Thị Hồng H**, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Bà **Bành Thị M**, sinh năm 1944; Địa chỉ: ấp 4, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1956 và bà **Huỳnh Thị Đ**, sinh năm 1958; Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (ông H vắng mặt, bà Đ có mặt)

- Bà **Dương Thị Bích T**, sinh năm 1957 và ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1957; Cùng địa chỉ: Khu tập thể ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (ông V có đơn xử vắng mặt, bà T có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1956 và ông **Nguyễn Việt P**, sinh năm 1954; Cùng địa chỉ: đường Phạm H, khóm X, phường Y, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

- Ông **Phùng Ngọc T**, sinh năm 1954 và bà **Lê Thị Hồng N (X)**, sinh năm 1959; Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (cùng có mặt)

- Bà **Phùng Thị Đ**, sinh năm 1959 và ông **Dương Văn S**, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (ông S vắng mặt, bà Đ có mặt)

Người kháng cáo: Ông **Phan Phước T**

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo người khởi kiện (ông Phan Văn S – chết ngày 18/05/2014): Nguyên vào năm 1975, bà La Thị Q (vợ ông S – chết ngày 23/04/1994) có nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn T (anh ruột ông S) diện tích đất vườn khoảng 05 công và diện tích đất ruộng 05 công tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với giá trị chuyển nhượng là 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kara (khi chuyển nhượng có lập giấy tay nhưng hiện nay đã bị thất lạc). Gia đình ông S canh tác sử dụng (có cất nhà và trồng cây lâu năm) đến khoảng năm 1983 thì không canh tác nữa, do Công ty chăn nuôi huyện L được thành lập, hỏi mượn phần đất này để xây dựng công trình phục vụ cho việc chăn nuôi và khu nhà ở cho các thành viên của công ty. Khi mượn đất thì không có giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng và Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L quản lý phần đất này từ năm 1983 cho đến nay. Sau khi Công ty chăn nuôi giải thể, đối với phần đất vườn có diện tích 05 công tầm lớn UBND huyện L cấp cho 08 (tám) hộ dân để xây nhà ở với diện tích 2.400m² (đo đạc thực tế 2.757,2m²), bà Đ và ông S sử dụng 1.200m², ông T và bà N sử dụng 2.200m²; Đối với 05 công đất ruộng nằm ở vị trí nhà máy cấp nước gần sân banh bây giờ.

- Năm 2000 ông Phan Văn S có đơn khiếu nại xin lại diện tích 05 công đất vườn và 05 công đất ruộng như đã nêu trên.

- Ngày 24/07/2001 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1624/QĐ-UB (V/v Giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn S, ngụ khóm X, phường Y, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng); Với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của ông Phan Văn S, ngụ khóm X, phường Y, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu xin lại diện tích 10 công đất (kể cả hoa lợi tọa lạc ấp 2, thị trấn L, huyện L); Lý do: Việc khiếu nại của ông Phan Văn S là không đúng thực tế*” (gọi là Quyết định 1624). Không đồng ý với quyết định, ngày 08/04/2003 ông Phan Văn S ủy quyền cho ông Phan Phước T (con ruột) và bà Nguyễn Thị Bích N (vợ ông T) khiếu nại, tại buổi làm việc với Thanh tra tỉnh Sóc Trăng ngày 04/04/2011 ông T và bà N yêu cầu xin lại 05 công (6.500m²) đất vườn và 05 công (5.000m²) đất ruộng tọa lạc ấp 2, thị trấn L, huyện L.

- Ngày 22/12/2011 Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 66/QĐKN-CTUBND về giải quyết khiếu nại của ông Phan VSâm; Với nội dung: “*Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/07/2001 của Chủ tịch UBND huyện L giải quyết bác đơn của ông Phan VSâm xin lại 10 công đất*

(10.000m²) tọa lạc ấp 2, thị trấn L, huyện L; Không công nhận việc ông Phan Văn S xin lại 05 công (5.000m²) đất ruộng và 05 công (6.500m²) đất vườn tọa lạc ấp 2, thị trấn L, huyện L.”

Ngày 30/05/2012 ông Phan Văn S khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/07/2001 của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết tắt Quyết định 1624).

Theo người đại diện cho người bị kiện: Diện tích đất ông Phan Văn S xin lại là của ông Phan Văn T có trước năm 1975. Năm 1975 ông Phan Văn T cho lại ông Phan Văn S với diện tích 2.400m², đất tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó ông Phan Văn S canh tác sử dụng đến năm 1983 thì Công ty chăn nuôi huyện L được thành lập. Nhà nước trưng dụng và mua lại phần đất này để giao cho Công ty chăn nuôi huyện L. Khi trưng dụng không có ban hành quyết định mà có thỏa thuận giao trả 50.000đồng (năm mươi nghìn đồng) cho ông S. Việc nhận tiền của ông S được ghi nhận trong biên bản làm việc vào ngày 11/4/2001, ông S thừa nhận có nhận 43.000 đồng. Sau đó ông S di dời nhà và giao đất lại cho Công ty chăn nuôi. Đến năm 1989 - 1990 thì Công ty chăn nuôi giải thể, Nhà nước tiếp tục quản lý và năm 2003 mới cấp phần diện tích đất này cho 08 hộ dân để xây nhà ở.

Đối diện tích đất bà Đ và ông S sử dụng 1.200m² và 05 công đất ruộng trước đây ông Phan Văn T khiếu nại đã được UBND huyện L giải quyết xong, theo các Quyết định số 875/QĐ.HC.97 ngày 08/12/1997, Quyết định số 555/QĐ.HC ngày 01/7/1999 và Quyết định số 73/QĐ - UBND ngày 14/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban huyện L; Đối với diện tích đất vườn của ông T và bà N sử dụng 2.200m² UBND huyện đã quy hoạch, xử lý sau.

Mặt khác, trong quá trình đo đạc thực tế, tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, đại diện người khởi kiện đều xác định diện tích đất vườn mà ông S khiếu nại là 2.400m² hiện nay cấp cho 08 hộ. Do đó, không được giải quyết theo Quyết định 1624 mà người khởi kiện đã khiếu nại. Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 1624 là đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Theo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đến năm 1989 - 1990 thì Công ty chăn nuôi giải thể, Nhà nước tiếp tục quản lý và năm 2003 UBND huyện L giao đất thổ cư có thu tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở cho những người sau:

- Ông Nguyễn Văn T và bà Quang Thị N diện tích 235m², ông Nguyễn Thanh H và bà Huỳnh Thị Đ diện tích 190m², ông Lê Văn T và bà Phạm Thị Hồng H diện tích 175m², bà Dương Kim N và ông Đặng Văn N diện tích 240m², ông Đoàn Văn M và bà Dương Thị Kim H diện tích 185m² (năm 2003 ông M chuyển nhượng cho ông Huỳnh Bình P và bà Trần Thị Hồng Đ), bà Dương Thị Bích T và ông Nguyễn Văn V diện tích 112m², cùng tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (từ khi được giao đất cho đến nay ông bà vẫn chưa được sử dụng vì ông Phan Văn S có tranh chấp). Năm 2004 các ông bà được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2012 – 2013 các ông bà được UBND huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Nay với yêu cầu của ông Phan Văn S về việc hủy quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/7/2001 thì ông bà không đồng ý.

- Riêng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Việt P được UBND huyện L giao đất năm 2005 diện tích 112m², tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, diện tích đất này ông bà chưa đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 1624 thì ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Bà Bành Thị M nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Văn T vào năm 2005 diện tích 192,5m², tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với giá trị là 55.000.000đồng, năm 2012 bà được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 1624 bà không đồng ý.

- Đối với ông Phùng Ngọc T và bà Lê Thị H thì diện tích đất ông bà đang ở (tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng) là do ông Phùng Văn C (cha của ông T) cho ông bà vào năm 1980; theo bà Phùng Thị Đ và ông Dương Văn S thì năm 1990, khi Công ty chăn nuôi huyện L giải thể, ông bà lấy diện tích đất thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 40, tọa lạc tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (phần đất này nằm cạnh bên Công ty chăn nuôi cũ) để quản lý sử dụng và ông bà đã sử dụng từ đó cho đến nay, diện tích đất này UBND huyện L ra quyết định hành chính và đã cưỡng chế đối với ông bà; diện tích đất trong Quyết định số 1624 các ông bà không canh tác sử dụng và cũng không lấn chiếm đất của ông S. Việc ông S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 1624 các ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 09/04/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, Điều 163, Điều 176 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S (chết vào ngày 18/5/2014) có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Phan Thị Mạnh T (Mạnh T), ông Phan Thành T (T), bà Phan Thị Hạnh P, ông Phan Phước T, bà Lê Thị Bạch Y, bà Phan Thị Trúc L, ông Phan Hoàng N, ông Phan Hoàng S, bà Phan Quế H, bà Phan Nguyệt A, ông Phan Thanh H, bà Phan Thị L (L), ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh H và ông Phan Hùng M đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/7/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24/4/2015 ông Phan Phước T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 09/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, yêu cầu TAND tỉnh Sóc Trăng Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và hủy Quyết định 1624, với các lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn S là không đúng pháp luật, vì trong quá trình tham gia tố tụng ông đã chứng minh được phần đất vườn và phần đất ruộng có tổng diện tích khoảng 10.000m² là của cha mẹ ông đã cất nhà ở, trồng rất nhiều cây dừa và sử dụng liên tục từ năm 1975 đến năm 1983, sau năm 1983 thì gia đình ông cho Công ty chăn nuôi huyện L mượn sử dụng nhưng án sơ thẩm cho rằng chúng tôi đã bán đất cho Công ty chăn nuôi huyện L với giá 50.000đồng và UBND huyện L quản lý phần đất này từ năm 1983 là không đúng

sự thật, vì thời điểm đó gia đình ông không có bán đất, không có nhận tiền bán đất, pháp luật thời đó cũng không cho phép bán đất và UBND huyện L cũng không ra bất cứ văn bản nào quản lý, trưng dụng phần đất kể trên.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ vị trí đất tranh chấp, vì theo nội dung giải quyết khiếu nại của Quyết định 1624 cho rằng đất do gia đình ông khiếu nại có vị trí “*cấp mé lộ ba đồn cũ*” và vị trí “*cấp mé sông gần đồn ba cũ*”. Trong khi đó đất của gia đình ông có vị trí {Hướng Đông giáp lộ Đoàn Thế Trung (lộ này có trước năm 1975), Hướng Tây giáp với phần đất do nhà nước quản lý, Hướng Nam giáp với đất ông Phùng Văn C và Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của dân (không có phần nào giáp “*cấp mé lộ ba đồn cũ*” và vị trí “*cấp mé sông gần đồn ba cũ*”)}

- Phần đất của ông tranh chấp chưa giải quyết xong lại được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho 07 hộ trên diện tích 2.757,2m² là trái pháp luật và trình tự thủ tục cấp đất cho những hộ kể trên cũng không đúng pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện của ông Phan Văn S và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của ông Phan Phước T; đại diện người bị kiện giữ nguyên Quyết định 1624 là đối tượng bị khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 205 Luật Tố tụng hành chính, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Thời gian, chủ thể và hình thức đơn kháng cáo của ông Phan Phước T là còn trong thời hạn và đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính, nên được chấp nhận về hình thức.

Đối với bà Phan Mạnh T, ông Phan Thành T, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn S; ông Đặng Văn N, ông Huỳnh Bình P, bà Trần Thị Hồng Đ, ông Lê Văn T, bà Phan Thị Hồng H, ông Huỳnh Văn T, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn V và Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Việt P và ông Dương Văn S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; tất cả không phải là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Căn cứ vào khoản 2 và 4 Điều 195 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

Xét thấy, Quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/07/2001 của Chủ tịch UBND huyện L V/v Giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn S ngụ khóm 1, phường 6, thị xã

Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nhưng về bản chất đây là Quyết định hành chính về quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, sau khi nhận quyết định ông S thực hiện việc khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trong khoảng thời gian từ ngày 01-6-2006 đến ngày Luật tổ tụng hành chính có hiệu lực (ngày 01-7-2011), đến ngày 30/05/2012 ông S khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện L thụ lý vụ án là còn trong thời hiệu, đúng thẩm quyền và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc Hội và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/07/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- *Về nội dung:* Nguyên ngày 05/11/2000 ông Phan Văn S có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện L là do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin lại diện tích 05 công đất vườn và 05 công đất ruộng tại ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Theo ông S nguồn gốc đất là của ông Phan Văn T (anh ruột ông S), năm 1975 ông T chuyển nhượng cho bà La Thị Q (vợ ông S – chết ngày 23/04/1994) với giá chuyển nhượng là 40 chỉ vàng 24K, khi chuyển nhượng có lập giấy tay nhưng hiện nay đã bị thất lạc (nhưng tại phiên tòa hôm nay bà N cho là cháy nhà nên bị cháy), sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông S canh tác sử dụng đến năm 1983 do Công ty chăn nuôi thành lập, nên UBND huyện L mượn để xây dựng công trình phục vụ cho việc chăn nuôi và khu nhà ở tập thể của Công ty, khi mượn đất thì không có giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng và UBND huyện L quản lý từ năm 1983 cho đến sau khi Công ty chăn nuôi giải thể vẫn tiếp tục quản lý. Diện tích đất vườn UBND huyện L cấp cho 08 (tám) hộ để xây nhà ở với diện tích 2.400m² (đo đạc thực tế 2.757,2m²), bà Đ và ông S sử dụng 1.200m², ông T và bà N sử dụng 2.200m²; Diện tích đất ruộng nằm tại vị trí nhà máy cấp nước gần sân banh hiện nay.

Ngược lại, theo người bị kiện diện tích đất ông Phan Văn S xin lại nguồn gốc là của ông Phan Văn T, năm 1975 ông T cho lại ông Phan Văn S với diện tích 2.400m², ông S sử dụng đến năm 1983 UBND huyện L trưng dụng và trưng mua để xây dựng trụ sở Công ty chăn nuôi và nhà tập thể. Khi trưng dụng không có ban hành quyết định mà có Biên bản thỏa thuận giao trả cho ông S số tiền 50.000đồng (nhưng biên bản thất lạc). Đến năm 1989 - 1990 thì Công ty chăn nuôi giải thể, UBND huyện L tiếp tục quản lý và năm 2003 mới cấp phần diện tích đất này cho 08 hộ dân để xây nhà ở. Đối diện tích đất bà Đ và ông S sử dụng 1.200m² và 05 công đất ruộng là của ông Phan Văn T, ông T khiếu nại và đã được UBND huyện L giải quyết xong, theo các Quyết định số 875/QĐ.HC.97 ngày 08/12/1997, Quyết định số 555/QĐ.HC ngày 01/7/1999 và Quyết định số 73/QĐ - UBND ngày 14/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban huyện L; Riêng diện tích đất ông T và bà N sử dụng 2.200m² không phải đất ông S nên UBND huyện sẽ xem xét xử lý sau. Do việc khiếu nại của ông S là không có căn cứ, ngày 24/07/2001 Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định 1624 bác đơn khiếu nại của ông Phan Văn S là đúng thẩm quyền, có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các bên trình bày thì thấy rằng: Ông S thừa nhận nguồn gốc diện tích đất theo ông S yêu cầu xin lại là của ông Phan Văn T, nhưng theo ông S cũng như người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S đều cho rằng vào năm 1975 ông T chuyển nhượng cho bà La Thị Q, nhưng không được ông T thừa nhận việc chuyển nhượng mà chỉ thừa nhận có cho ông S diện tích

2.400m², trong quá trình giải quyết tại UBND huyện L và khởi kiện tại Tòa án ông S và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S cũng không chứng minh được việc ông T chuyển nhượng diện tích đất cho bà Q mà ông S yêu cầu xin lại; trong việc chuyển nhượng cho rằng có làm giấy tay nhưng khi thì cho là thất lạc và khi thì cho là cháy nhà nên bị cháy; cho nên theo ông S và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S cho rằng vào năm 1975 ông T chuyển nhượng cho bà La Thị Q diện tích đất 10 công là không có căn cứ. Theo ông T xác nhận năm 1975 ông T cho lại ông Phan Văn S với diện tích 2.400m² là phù hợp với diện tích đất mà UBND huyện L trưng mua của ông S đã cấp cho 08 hộ để xây nhà ở với diện tích 2.400m² (đo đạc thực tế 2.757,2m²), phù hợp với lời xác nhận của người đại diện người khởi kiện tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện L, đều xác định diện tích đất vườn mà ông S khiếu nại là 2.400m² hiện nay cấp cho 08 hộ. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay bà N cũng xác nhận ngoài diện tích 2.400m², thì diện tích theo ông S yêu cầu còn lại ông S cũng biết việc ông T đã khiếu nại và đã được trả hoa lợi ruộng đất nhưng ông S không khiếu nại và phản đối, nên ông S đã mặc nhiên thừa nhận diện tích đất mình chỉ có 2.400m², việc ông S không khiếu nại và phản đối theo bà N là do ông S sợ con ông T đang làm việc, nhưng bà N cũng không có căn cứ để chứng minh. Do đó, có căn cứ xác định trong diện tích đất ông S yêu cầu thì phần của ông S chỉ có 2.400m² (đo đạc thực tế 2.757,2m²) hiện đã cấp cho 08 hộ, diện tích còn lại là của ông T đã được giải quyết tại các Quyết định số 875/QĐ.HC.97 ngày 08/12/1997, Quyết định số 555/QĐ.HC ngày 01/7/1999 và Quyết định số 73/QĐ - UBND ngày 14/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban huyện L và diện tích đất ông T và bà N sử dụng UBND huyện sẽ giải quyết sau.

Mặt khác, theo ông S diện tích đất ông sử dụng đến năm 1983 khi thành lập Công ty chăn nuôi UBND huyện L mượn sử dụng, nhưng theo người đại diện cho người bị kiện thì năm 1983 UBND huyện L không có mượn, mà trưng dụng và trưng mua và có trả tiền cho ông S 50.000đồng, ông S không chứng minh được việc cho mượn, còn việc trưng dụng và trưng mua tuy không có quyết định nhưng được ông S thừa nhận có nhận tiền (biên bản làm việc vào ngày 11/4/2001), trên thực tế ông S đã giao đất và UBND huyện L quản lý đất, sau khi quản lý UBND huyện L giao cho Công ty chăn nuôi sử dụng từ năm 1983. Do vậy, theo ông S cho rằng cho UBND huyện L mượn đất để xây dựng công trình phục vụ cho việc chăn nuôi và khu nhà ở tập thể của Công ty chăn nuôi là không có cơ sở.

Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay bà N cho rằng trong quá trình giải quyết yêu cầu của ông Phan Văn S, cơ quan chuyên môn giúp Chủ tịch UBND huyện L có làm hồ sơ không và ép buộc ông S phải ký vào các biên bản lập sẵn, nhưng bà N cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía người khởi kiện cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét tính hợp pháp của Quyết định bị khởi kiện, nội dung kháng cáo và những vấn đề liên quan đến việc kháng cáo; những vấn đề khác đương sự đặt ra không liên quan đến vụ án, việc kháng cáo và không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 1624/QĐ-UB ngày 24/07/2001 (V/v Giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Văn S, ngụ khóm 4, phường 6, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng); với nội dung: “*Bác đơn khiếu nại của ông Phan Văn S, ngụ khóm 4, phường 6, thị xã Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu xin lại diện tích 10 công đất (kể cả hoa lợi tọa lạc ấp 2, thị trấn L, huyện L); Lý do: Việc khiếu nại của ông Phan Văn S là không đúng thực tế*” là có căn cứ và đúng pháp luật. Đồng thời, về căn cứ áp dụng, thẩm quyền và hình thức ban hành của Quyết định 1624 là đúng luật định.

Từ những nhận định nêu trên, cho thấy Quyết định 1624 về căn cứ pháp lý, thẩm quyền và nội dung giải quyết là đảm bảo tính khách quan, toàn diện và đúng pháp luật. Do vậy, theo kháng cáo của ông Phan Phước T là không có căn cứ xem xét, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo; về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm về việc giải quyết đối với những vấn đề có kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Phan Phước T, áp dụng khoản 1 Điều 205 Luật tố tụng hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Phan Phước T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 27 Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điều 190, khoản 2 và 4 Điều 195, khoản 1 Điều 205, Điều 206 và Điều 27 Luật tố tụng hành chính; Áp dụng khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

- Bác đơn kháng cáo của ông Phan Phước Thiện.
- Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 09 tháng 04 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện L đã xét xử về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai*”, giữa: Người khởi kiện ông Phan Văn S; Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện L; một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Phước T phải chịu 200.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 200.000đồng theo biên lai thu số 005879 ngày 27/04/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Phan Phước T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu (THC-HS).

Phạm Hùng Nuôi